

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú

Ngày 15/01/2024	16,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.6%	-4.0%	-7.1%

DT thuần Q4/23
3,223
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 230 7.7%
YoY: ▲ 669 26.2%

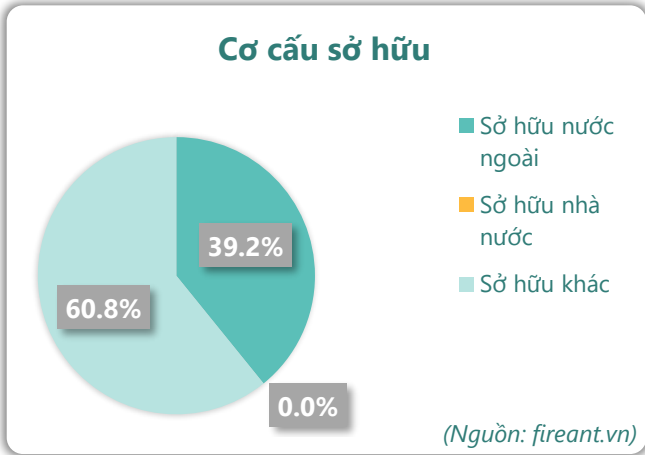
LN thuần Q4/23
-34.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼20.5 -152%
YoY: ▼312 -112%

LN sau thuế Q4/23
9.12
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 35.2 135%
YoY: ▼288 -96.9%

Tỷ lệ lãi EBIT 2023
0.4%
YoY: +/-▼ 5.8%

ROE 2023
-1.7%
YoY: +/-▼ 16.3%

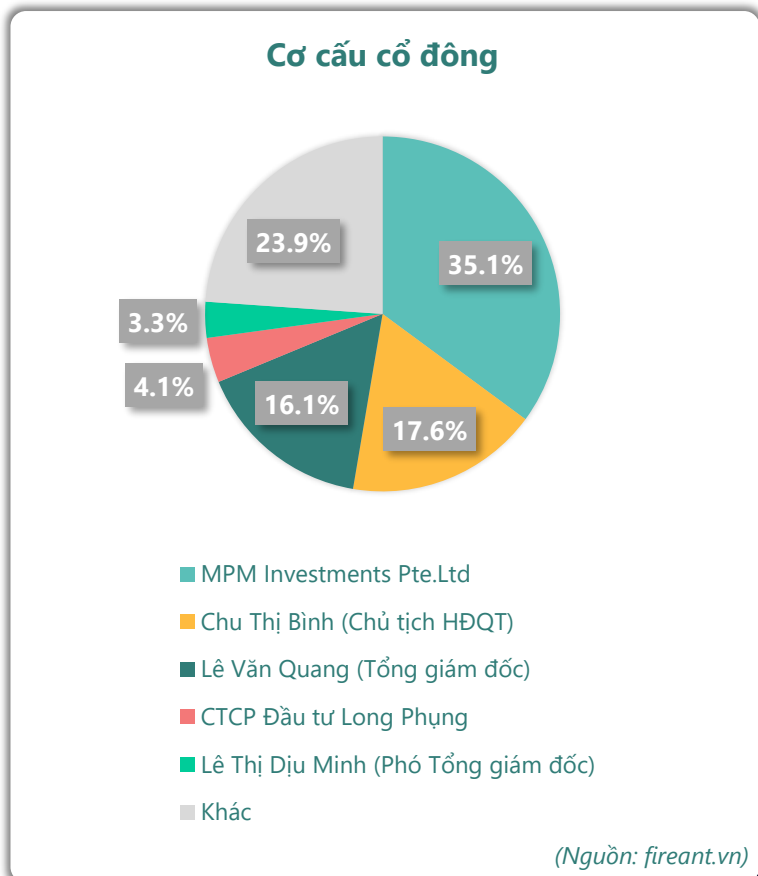
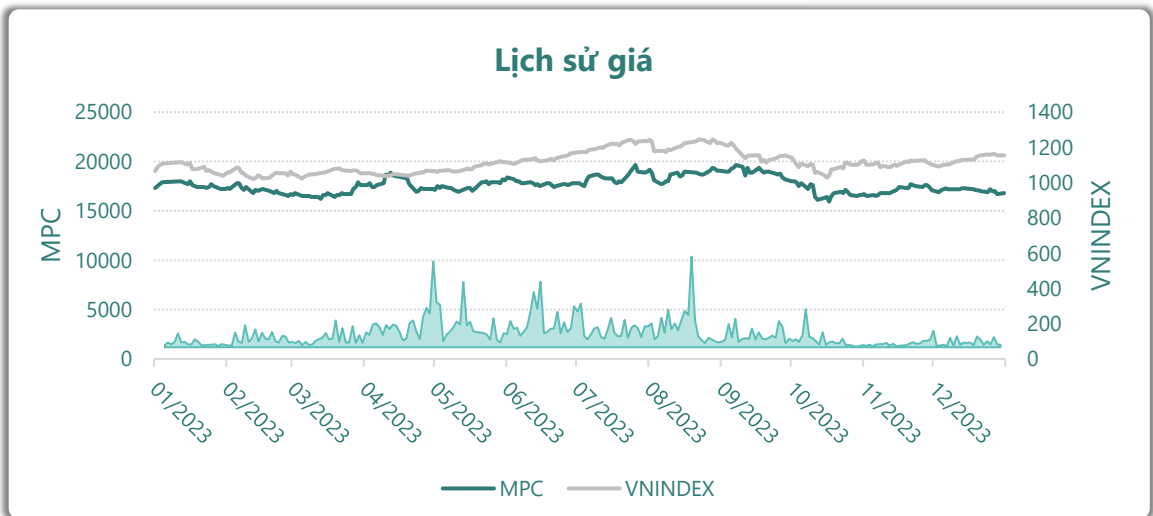
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	15,934 - 19,648
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,718
Số lượng CPLH (CP)	399,887,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)	65,850
Sở hữu nước ngoài	39.2%
Beta	0.79
EPS	-244
P/E	-70.9



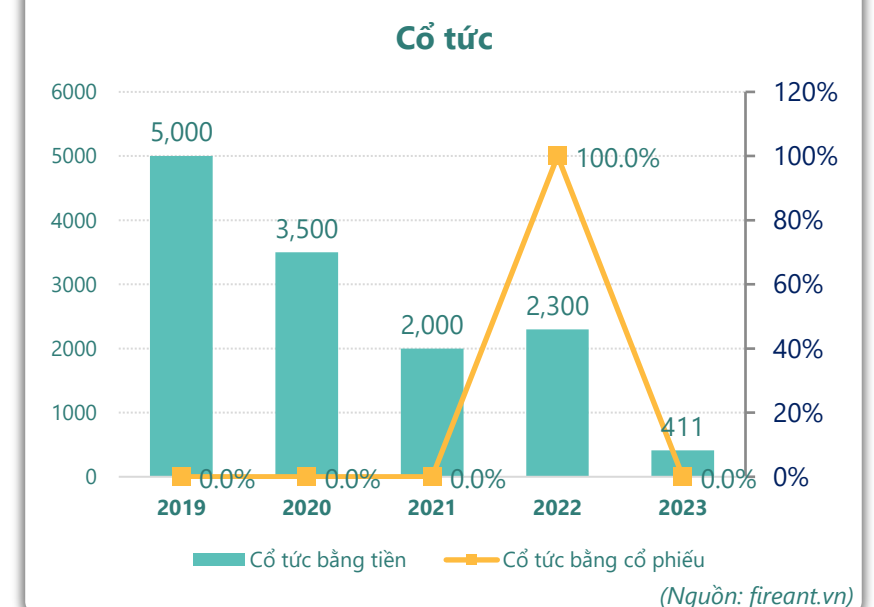
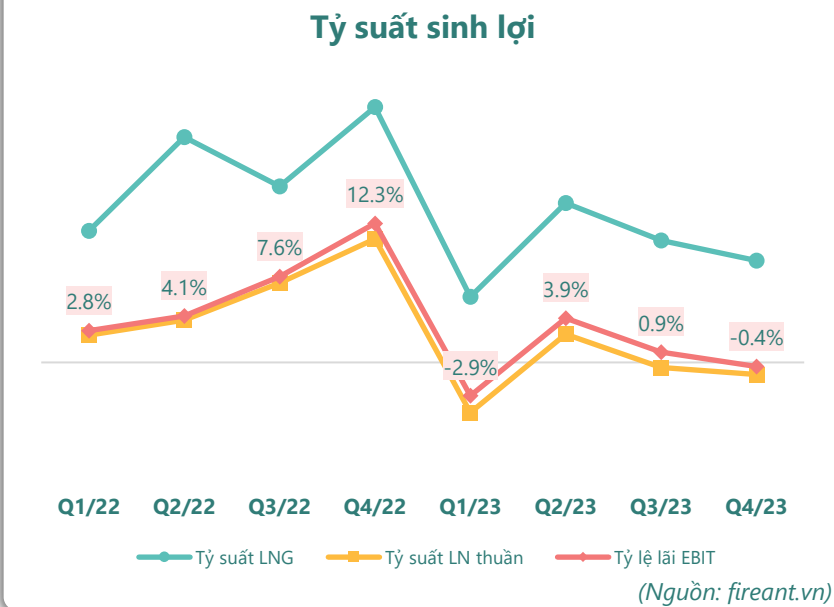
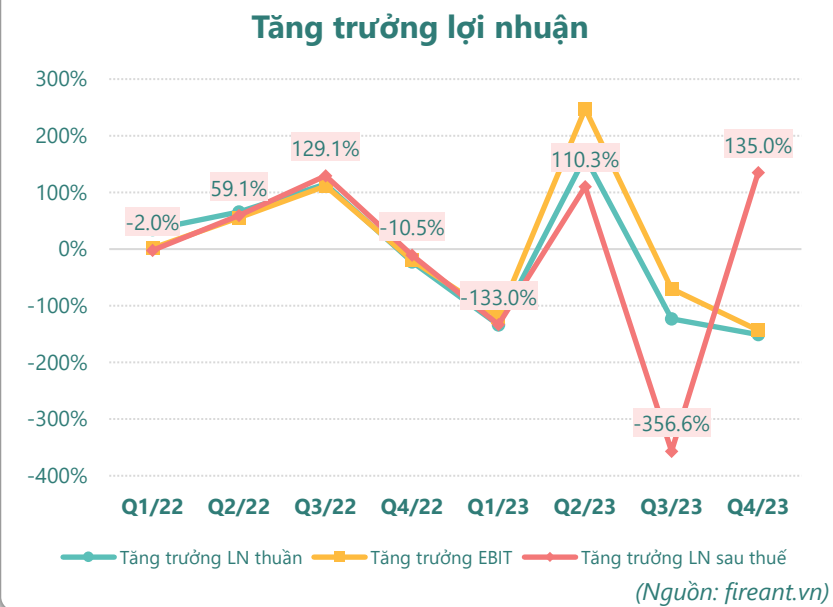
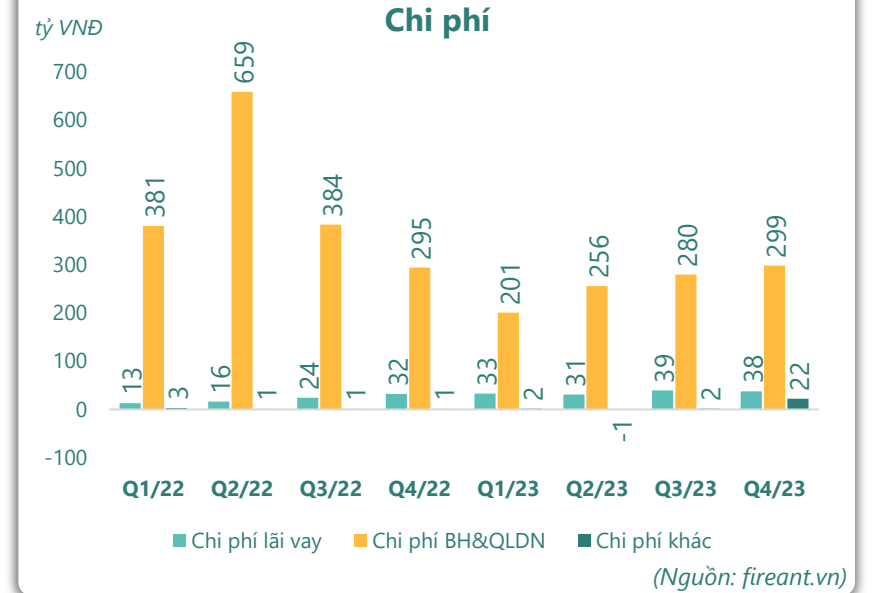
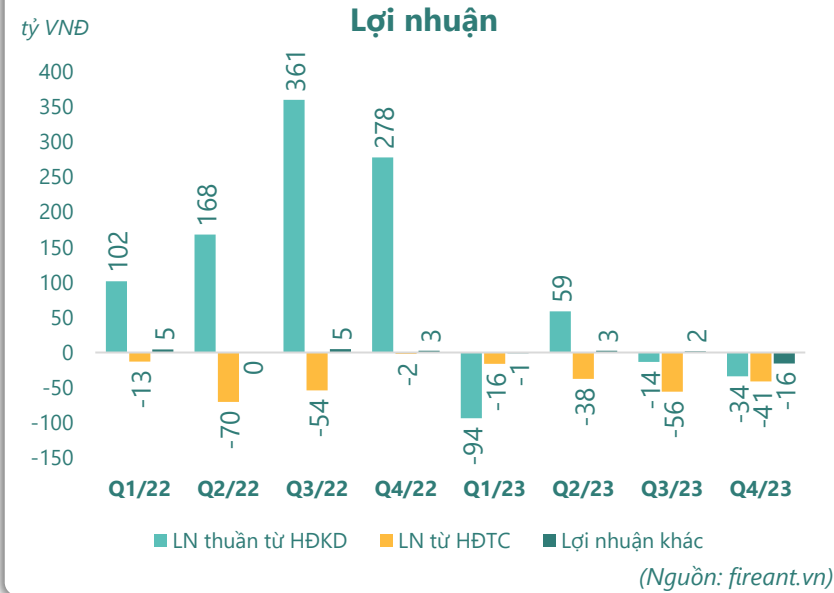
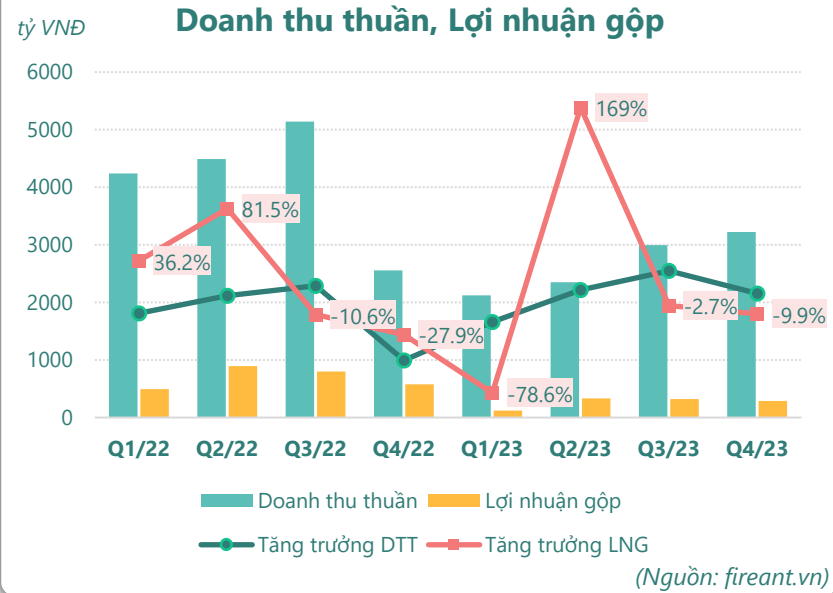
DT thuần 2023
10,689
tỷ VNĐ
YoY: ▼5,736 -34.9%

LN thuần 2023
-82.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,017 -109%

LN sau thuế 2023
-105
tỷ VNĐ
YoY: ▼937 -113%



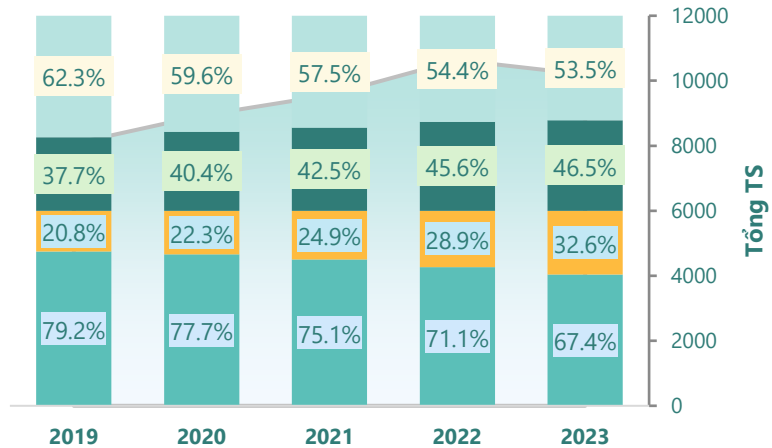
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

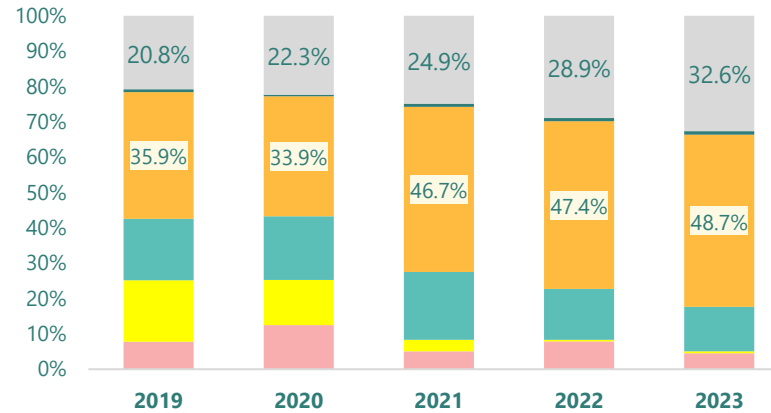
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



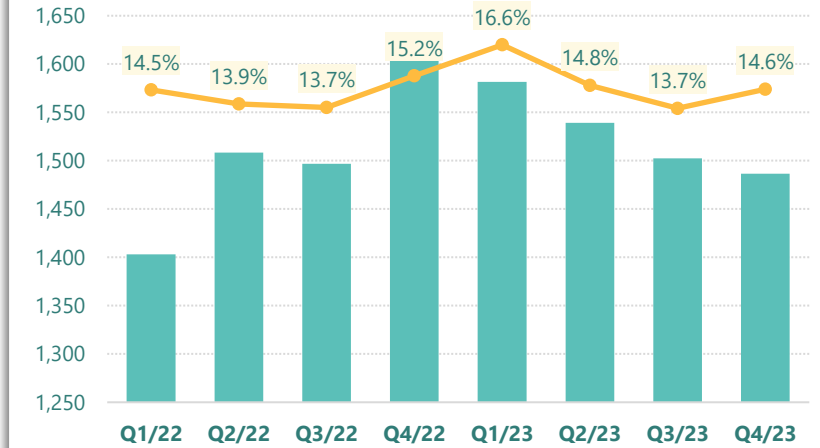
■ Tiền và tương đương tiền ■ Đầu tư tài chính ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn

■ Hàng tồn kho ■ Tài sản ngắn hạn khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

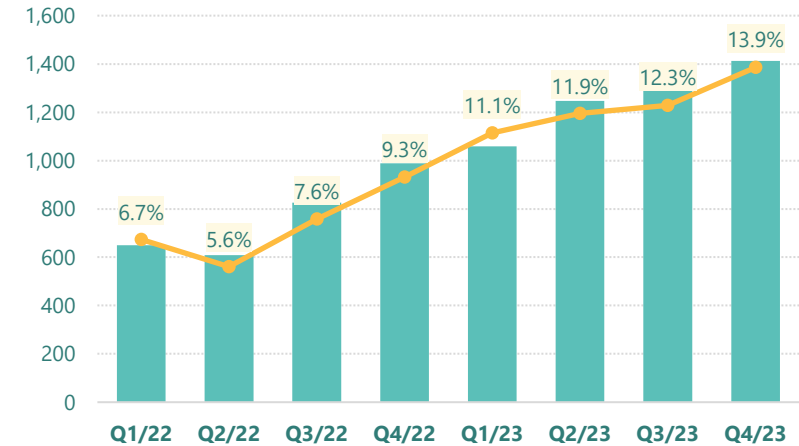


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

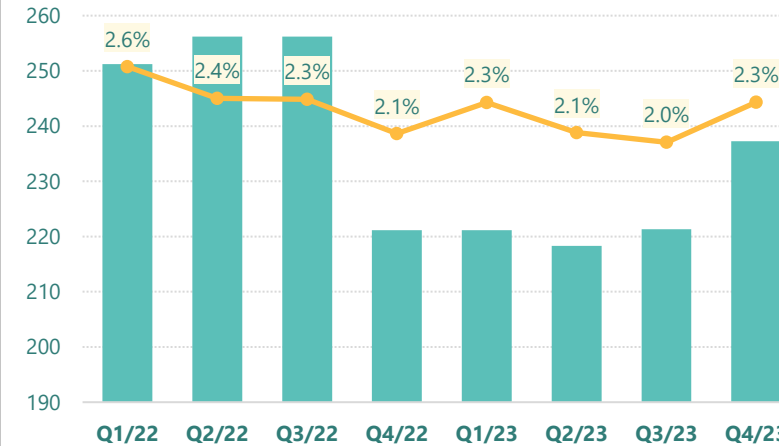


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

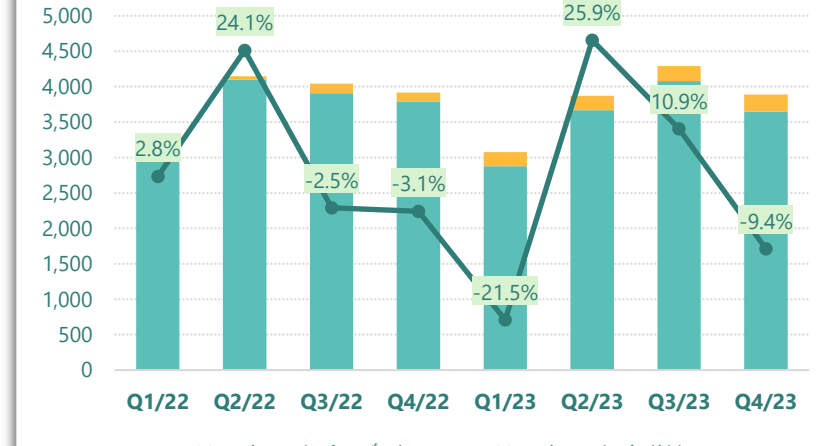


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

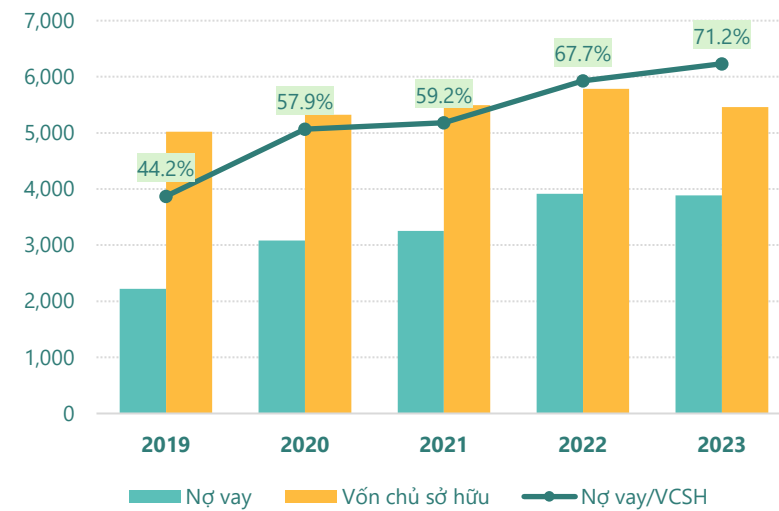
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

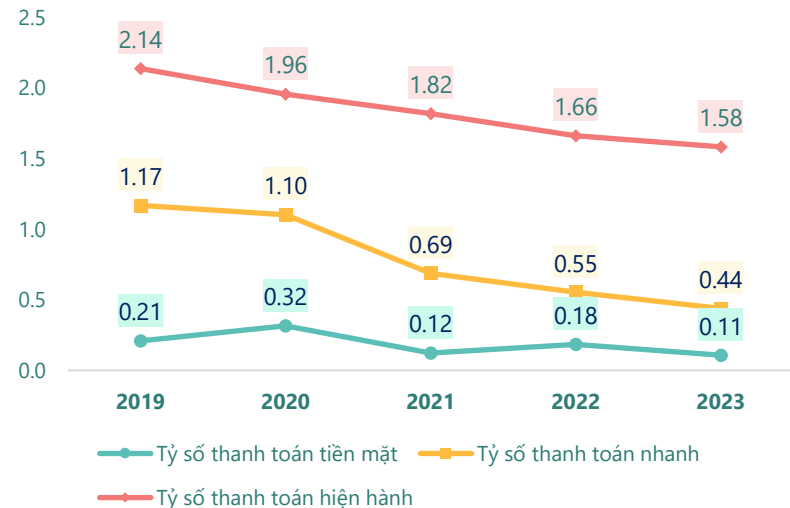
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



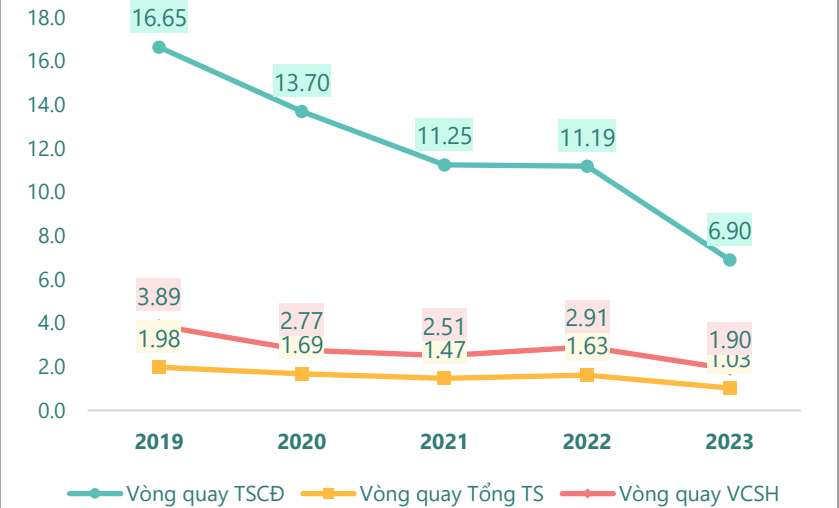
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



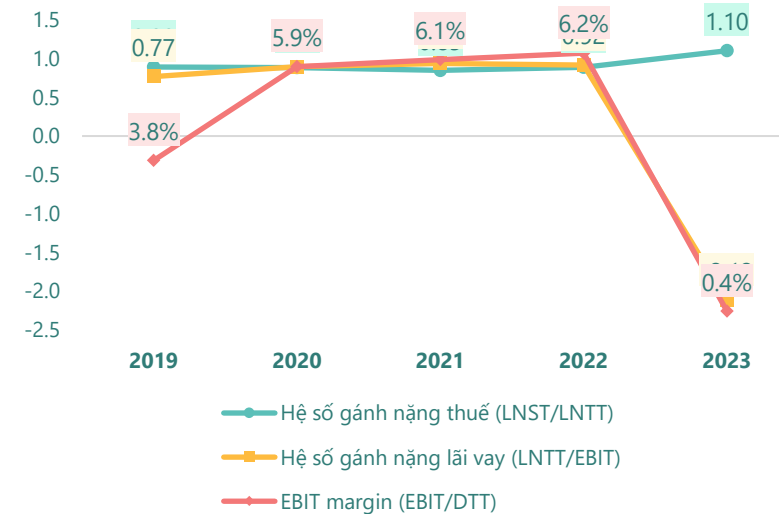
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



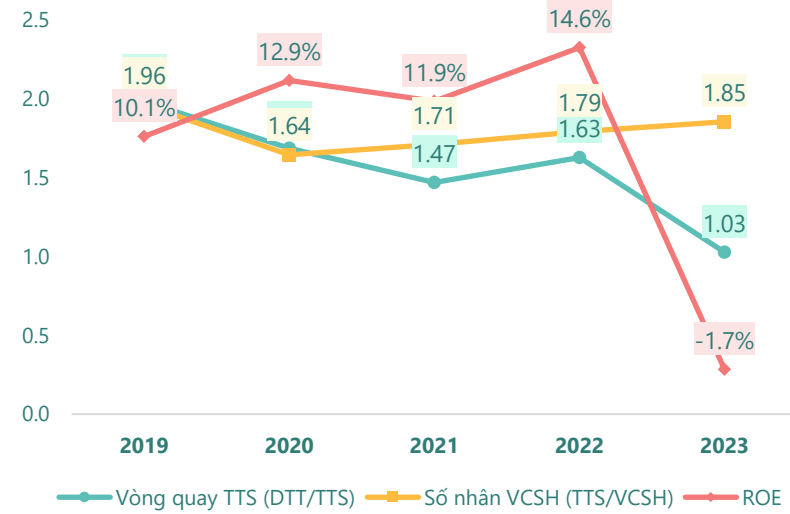
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



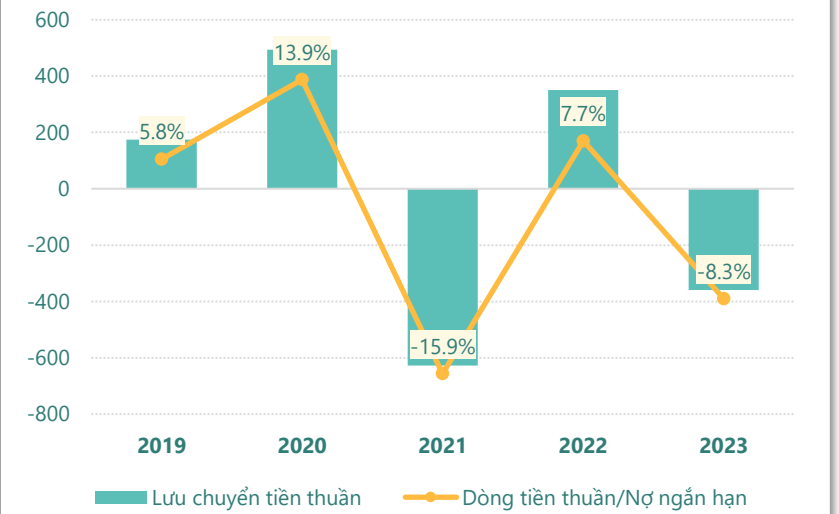
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3,223	2,554	26.2%	10,689	16,425	-34.9%
Giá vốn hàng bán	2,933	1,978	48.3%	9,623	13,665	-29.6%
Lợi nhuận gộp	290	575	-49.6%	1,066	2,760	-61.4%
Doanh thu HĐTC	26.8	152	-82.4%	90.8	221	-59.0%
Chi phí TC	68.1	154	-55.8%	242	361	-33.0%
Chi phí lãi vay	37.7	32.3	16.8%	141	85.4	64.6%
LN trong công ty LKLD	15.9	0.00		37.6	31.8	18.4%
Chi phí bán hàng	219	253	-13.6%	738	1,352	-45.4%
Chi phí QLDN	79.9	42.0	90.4%	297	366	-18.9%
LN thuần từ HĐKD	-34.0	278	-112%	-82.8	934	-109%
Lợi nhuận khác	-15.7	2.70	-681%	-12.7	6.03	-311%
LN trước thuế	-49.6	281	-118%	-95.5	940	-110%
Lợi nhuận sau thuế	9.12	297	-96.9%	-105	832	-113%
LNST của CĐ cty mẹ	12.2	291	-95.8%	-97.5	823	-112%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	250	250	245	-457	-256	752
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-280	-280	-110	-181	-45.3	-124
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-127	-127	-832	767	437	-556
Tiền đầu kỳ	713	713	838	139	273	415
Lưu chuyển tiền thuần	-157	-157	-696	130	135	72.1
Ảnh hưởng tỷ giá	1.49	1.49	-2.40	4.27	6.16	-21.4
Tiền cuối kỳ	558	558	139	273	415	465

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	10,195	10,638	-4.2%
Tài sản ngắn hạn	6,871	7,561	-9.1%
Tiền và tương đương tiền	465	838	-44.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.9	49.8	2.3%
Phải thu ngắn hạn	1,279	1,528	-16.3%
Hàng tồn kho	4,967	5,047	-1.6%
Tài sản ngắn hạn khác	108	98.2	10.3%
Tài sản dài hạn	3,324	3,077	8.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,486	1,612	-7.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,413	997	41.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	237	221	7.3%
Tài sản dài hạn khác	188	246	-23.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,738	4,853	-2.4%
Nợ ngắn hạn	4,337	4,547	-4.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,649	3,785	-3.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	384	431	-10.9%
Nợ dài hạn	401	306	31.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	238	133	79.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,457	5,785	-5.7%
Vốn chủ sở hữu	5,457	5,785	-5.7%
Vốn điều lệ	3,999	3,999	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

